TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/DS-PT
Ngày 24 - 4 - 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Oanh;
Ông Hà Văn Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà V Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2018/HNGĐ-PT, ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:15/2018/HNGĐ-ST, ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐ-PT, ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Đình D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 1B N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Tạ Đình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tạ Đình D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 21/5/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện và hai gia đình tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng anh có làm ăn gom góp được ít tiền và có mượn đất của bố mẹ vợ để xây nhà ở, khi xây nhà xong thì có xích mích với anh em bên nhà vợ, anh bảo chị T chuyển ra nơi khác sinh sống nhưng chị T không nghe. Từ đó anh và chị T không

tin tưởng nhau thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung cháu Tạ Đình P sinh ngày 02/11/2010 và cháu Tạ Đình V sinh ngày 23/5/2016, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu P, cháu V còn nhỏ anh D nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị thừa nhận tình trạng kết hôn như anh D trình bày, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn không thể cải thiện anh chị đã sống ly thân từ ngày 18/4/2016 cho đến nay không còn quan tâm tới nhau nữa. Chị T nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh D.

Về con chung: Có 02 con chung như anh D trình bày chị muốn trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu P và cháu V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 15/2018/HNGĐ-ST, ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, Quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Đình D

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Đình D và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Tạ Đình P, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Tạ Đình V, sinh ngày 23/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Tạ Đình D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 của nguyên đơn anh Tạ Đình D có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí bản án sơ thẩm đã xử giao cháu Tạ Đình P, sinh

ngày 02/11/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Đình P và không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi cháu P.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Cháu Tạ Đình P do anh chăm sóc nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân năm 2016 cho đến nay, cuộc sống của cháu đảm bảo, anh có chỗ ở ổn định , anh mua lại nhà của anh Trai sau khi mua anh đã xây thêm bếp, thu nhập của anh từ nghề sửa chữa D lạnh 6.000.000đ/tháng. Ta luy phía sau nhà gia đình anh đã san ủi không còn nguy cơ sạt lở, bố mẹ anh đã làm nhà ở cạnh nhà anh, thu nhập của chị T hiện nay không đủ nuôi 2 con chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu P, chị T nuôi cháu V.

Bị đơn chị T đề nghị: Không nhất trí để anh D nuôi cháu P, nhà ở anh D mượn của anh trai, thời gian anh chị sống ly thân chị đến thăm con anh D không tạo điều kiện cho chị thăm cháu P, anh D cũng không quan tâm đến cháu V do chị nuôi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 BLTTDS. Đơn kháng cáo của anh Tạ Đình D là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 01/02/2018 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, giao cháu Tạ Đình P sinh ngày 02/11/2010 cho anh Tạ Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về yêu cầu kháng cáo của anh Tạ Đình D: Đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Đình P và không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi cháu P.

Xét thấy Anh Tạ Đình Điên và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung cháu Tạ Đình P sinh ngày 02/11/2010 và cháu Tạ Đình V sinh ngày 23/5/2016. Sau khi anh chị sống ly thân năm 2016 cháu Tạ Đình P do anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu sinh sống cùng anh D tại nhà riêng của anh D ở tổ dân phố B, thị trấn T1 huyện H, cháu P học tại trường tiểu học T1 thị trấn T1 huyện H. Cháu Tạ Đình V sinh sống cùng chị T tại nhà do hai anh chị xây dựng thuộc thôn 1B N xã Y huyện H. Cuộc

sống của hai cháu đã ổn định từ đó đến nay, tại cấp phúc thẩm anh D cung cấp văn bản xác nhận ngày 09/4/2018 của UBND thị trấn T1 huyện H khu vực nhà anh D ở hiện nay không nằm trong vùng sạt lở nguy hiểm do đã san ủi ta luy đồi phía sau nhà. Tòa án cấp phúc thẩm đã hỏi ý kiến cháu Tạ Đình P cháu có nguyện vọng muốn ở với bố, từ năm 2016 đến nay cháu P ở với anh D được bố quan tâm chăm sóc đưa đón đi học hàng ngày, cuộc sống đảm bảo, bố con tình cảm, anh D có chỗ ở, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu P, tránh xáo trộn nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D sửa bản án sơ thẩm giao cho anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Đình P; chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Đình V; Anh D và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D và chị T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tạ Đình D, sửa bản án sơ thẩm về nuôi con chung như sau: Giao cho anh Tạ Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Đình P sinh ngày 02/11/2010; giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Đình V sinh ngày 23/5/2016; anh Tạ Đình D và chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Tạ Đình D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu số 0003969, ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 24/4/2018./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lưu Hồ Loan